

“GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC” CỦA NGƯỜI THẦY GIÁO DƯỚI CÁI NHÌN CỦA CÁC NHÀ TÂM LÝ HỌC HOẠT ĐỘNG

ThS. Trần Thanh Trà¹

TÓM TẮT

Giá trị đạo đức được coi là một trong những yếu tố cốt lõi của nhân cách, tạo nên bản chất nhân cách và qui định chiều hướng, tính chất của hành vi. Người thầy giáo với vai trò và nghĩa vụ thiêng liêng của mình cần nhận thức và xác định rõ ràng về mặt cấu trúc giá trị đạo đức để định hướng, xây dựng và phát triển phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, với truyền thống của dân tộc, phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp.

Khi đề cập đến giá trị đạo đức, Triết học, Xã hội học và ngay cả trong Tâm lý học cũng có rất nhiều những quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, bài viết này chỉ đề cập các quan điểm của các nhà tâm lý học theo trường phái Tâm lý học hoạt động về giá trị đạo đức của người thầy giáo.

ABSTRACT

Moral values are considered one of the key elements of personality, create the nature of personality and fix the trends or characteristics of behavior. A teacher with his responsibility should recognize and determine the meaning of moral values to guide, and develop himself to suit the trend of modern life, the tradition of his country, and the requirements of all kinds of job.

When mentioning to the moral values, Philosophy, Sociology and even in Psychology, many different viewpoints are shown. However, this article only deals with the opinions of activity psychologists on moral values of the teacher.

1. Khái niệm công cụ

1.1. Giá trị

Khái niệm

Trong tâm lý học, giá trị (Value) được dùng để chỉ thuộc tính tâm lý cá nhân, đôi khi được hiểu là tổ hợp các thuộc tính tâm lý của nhân cách, thể hiện ở vai trò, lối sống của cá nhân. Giá trị quy định hoạt động của cá nhân, là cơ sở để cá nhân tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động và hành vi ứng xử trong cuộc sống.

• Tâm lý học xã hội nghiên cứu giá trị và định hướng giá trị trong cộng đồng, đồng thời, giải thích vai trò của chúng trong sự hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội như tâm lý dân tộc, nhu cầu, thị hiếu, tập quán, lối sống của các nhóm xã hội.

• Tâm lý học hoạt động đã xác định “giá trị là cái được chủ thể đánh giá thừa nhận trên cơ sở mối quan hệ với sự vật, hiện tượng đó”. Các nhà tâm lý học nghiên cứu khái niệm giá trị nhằm mục đích tìm hiểu hành vi, hoạt động của con người và dự báo phát triển nhân cách. Trong đó chuyên ngành Tâm lý học nhân cách đề cập đến giá trị như là một bộ phận cấu thành nên tâm lý – nhân cách con người.

Có thể nói giá trị là một phạm trù không thể thiếu được khi đề cập đến vấn đề nhân cách “Hoạt động – Giao tiếp – Giá trị – Nhân cách”.

Vai trò của giá trị

Giá trị có tác dụng như những chuẩn mực, quy tắc để định hướng con người hướng tới mục tiêu, thúc đẩy và điều chỉnh hành động của con người nhằm đạt tới

¹ Giảng viên Khoa XHH&CTXH, trường Đại học Mở Tp.HCM.

những mục tiêu đó. Giá trị là cơ sở của việc đánh giá thái độ, hành vi nào là đúng và nên có, ngược lại thái độ, hành vi nào là sai và không nên có. Sự thống nhất, ổn định về tâm lý, tinh thần, đạo đức của cá nhân và xã hội được chỉ đạo bởi các giá trị. Nó là thang bậc, chuẩn hành vi để các thành viên của xã hội so sánh, đối chiếu, phân biệt được những hành động và suy nghĩ tốt đẹp, tích cực hoặc tiêu cực, sai lệch. Các giá trị hình thành nên ý thức, thái độ và sức mạnh dư luận của đạo đức để đối phó với những hành vi đi ngược lại lợi ích xã hội.

Giá trị có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển nhân cách, đối với mỗi một con người (cá nhân, nhân cách), giá trị có hai chức năng cơ bản:

Thứ nhất, là cơ sở cho sự hình thành và bảo tồn những định hướng giá trị trong ý thức của con người, cho phép cá nhân giữ một lập trường xác định, bày tỏ quan điểm của mình, đánh giá và phê phán. Các giá trị - đó là một bộ phận của ý thức mà thiếu nó thì không thể có nhân cách được.

Thứ hai, thúc đẩy hành vi, hoạt động, bởi vì sự định hướng của con người trong thế giới xung quanh và nguyện vọng đạt được mục đích riêng lẻ của họ đều được đối chiếu với các giá trị nằm trong cấu trúc nhân cách.

1.2. Giá trị đạo đức

Khái niệm

Đạo đức theo nghĩa gốc trong tiếng La tinh là “mos” – lễ thói, có nghĩa là nói đến những lễ thói tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người và người trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày.

Dưới góc nhìn của Tâm lý học, đạo đức là một bộ phận, một thành phần trong cấu trúc nhân cách, bao gồm hệ thống phẩm chất (đức), và hệ thống năng lực (tài).

Trong hệ thống phẩm chất, có phẩm chất xã hội như thế giới quan, niềm tin, lý tưởng, lập trường, thái độ chính trị, thái độ lao động; phẩm chất cá nhân gồm các nét, các thói, các “thứ” (ham muốn); và phẩm

chất ý chí như tính kỷ luật, tính tự chủ, tính mục đích, tính quả quyết, tính phê phán... Phẩm chất cũng bao gồm cả cung cách ứng xử như tác phong, lễ tiết, tính khí...

Rõ ràng, trong cách tiếp cận khái niệm đạo đức theo quan điểm Tâm lý học hoạt động như trên, đạo đức đã được thu lại trong một phạm vi hẹp đó là những thái độ, hành vi tốt đẹp trong giao tiếp, ứng xử giữa cá nhân với người khác, cá nhân với chính mình trong các dạng quan hệ hoạt động xã hội khác nhau.

Vai trò của đạo đức

Đạo đức có vai trò to lớn trong việc giúp con người sáng tạo ra hạnh phúc, nâng cao phẩm giá của cá nhân, giữ gìn và bảo vệ cuộc sống tốt đẹp của xã hội. Đạo đức thực hiện *chức năng định hướng giáo dục*: cung cấp cho con người hệ thống những tri thức, quan điểm, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản để con người có những hành xử hợp lý, được mọi người và xã hội chấp nhận; *chức năng điều chỉnh hành vi*: trong cuộc sống, con người có nhiều vấn đề cần phải giải quyết, có những vấn đề đòi hỏi bản thân phải đặt mình trong các mâu thuẫn giữa cái phải làm và cái không nên làm. Khi đó, đạo đức giúp cá nhân có sự lựa chọn, cân nhắc và điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội và mang lại sự an bình cho chính lương tâm của mình.

Đạo đức còn thực hiện các nhiệm vụ như chi phối các mối quan hệ xã hội. Mỗi cá nhân có thể tham gia vào nhiều mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ khoa học... Mỗi quan hệ nào cũng đều chứa đựng trong nó quan hệ đạo đức sâu sắc, góp phần làm cho các quan hệ đó có ý nghĩa. Khi đặt thành tố đạo đức vào quan hệ nào thì nó sẽ mang sắc thái đặc thù do các quan hệ đó chi phối. Đạo đức còn vạch ra những yêu cầu, tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức phù hợp với những giá trị tốt đẹp, nhân cách mới của xã hội để cá nhân lựa chọn, định hướng, điều chỉnh hành vi ứng

xử của mình trong quan hệ với người khác và xã hội. Mặt khác, đạo đức còn có nhiệm vụ đấu tranh, phê phán, chống lại những khuynh hướng của đạo đức lạc hậu, không lành mạnh, cản trở cá nhân và xã hội vươn lên những giá trị văn minh, nhân bản.

Giá trị đạo đức

Như đã nói ở trên, giá trị đạo đức nằm trong hệ thống giá trị tinh thần, đóng vai trò là một yếu tố cấu thành nên diện mạo của một thời đại, một xã hội, một dân tộc, một nền văn hóa. Giá trị đạo đức là gì?

Xem xét trên bình diện xã hội, giá trị đạo đức được định nghĩa: *“là những chuẩn mực, những khuôn mẫu lý tưởng và những nguyên tắc ứng xử nhằm điều chỉnh và chuẩn hóa hành vi con người”*.

Xem xét tính lợi ích, bình diện cá nhân, giá trị đạo đức được định nghĩa là *“những cái được con người lựa chọn và đánh giá như một việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương”*

Từ những ý kiến trên mà giá trị đạo đức có thể được hiểu là *những tiêu chuẩn, lối sống được con người hay nhóm người thừa nhận và áp dụng trong hệ thống hành vi, thái độ của mình một cách có ích đối với các mối quan hệ trong đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương*.

Những giá trị đạo đức được thể hiện trong các mối quan hệ

❖ Với tổ quốc

Lòng yêu nước: Yêu mến dân tộc và tự hào về đất nước, trung thành và tận tụy với dân tộc, đất nước, sẵn sàng hy sinh khi tổ quốc lâm nguy.

Bình đẳng giữa các dân tộc: Tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và cộng đồng.

Hài hòa tinh thần dân tộc và quốc tế: Biết chung sống hòa bình giữa các dân tộc, hài hòa giữa lợi ích dân tộc và quốc tế.

❖ Với bản thân như

Tự trọng: Biết giữ gìn nhân phẩm trong mọi điều kiện.

Can đảm: Sẵn sàng chấp nhận sự rủi ro quyết định của bản thân, không tránh trách nhiệm, bảo vệ niềm tin, lẽ phải.

Trung thực: Có năng lực giải quyết các vấn đề, tự tin và không phụ thuộc vào người khác.

Khiêm tốn: Cho mình là người bình thường, không kiêu căng, không tự tán dương.

Kiên trì: làm việc gì đó đến cùng dù có gặp nhiều khó khăn trở ngại.

Lạc quan: tinh thần vui sướng, tin tưởng ở tương lai dù gặp khó khăn.

Tự phê bình: Tự giác, thành thật trong việc tự nhận xét những ưu, khuyết điểm của bản thân.

Yêu cầu cao: Đặt ra những hướng phấn đấu cao để tự hoàn thiện mình.

❖ Trong mỗi quan hệ với người khác – bao gồm các mối quan hệ gần gũi xung quanh như cha mẹ, thầy cô, bạn bè

Tin tưởng: Tin vào con người, tin vào điều thiện.

Tôn trọng: Kiểm chế, không làm tổn hại đến lòng tự trọng của người khác, giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân với cộng đồng.

Ân cần: Biết yêu thương, chăm sóc mọi người.

Ngay thẳng: Bảo vệ sự thật, thật thà trong lời nói, việc làm.

Sẵn sàng tiếp thu cái mới: Sẵn sàng cởi mở, tạo ra cơ hội và khả năng mới, sẵn sàng thay đổi, lắng nghe ý kiến người khác nếu thấy hợp lý.

Hài hước: Tạo ra bầu không khí vui vẻ, hạnh phúc cho người khác.

Chân thành: Thành thật trong lời nói, việc làm, hết lòng giúp người

Đồng cảm: Đặt mình vào vị trí người khác, thấu hiểu, thông cảm và hành động vì lợi ích của người khác.

Khoan dung: Sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác.

Lòng yêu thương: yêu mến và chăm sóc những người xung quanh không phân biệt giới tính, chủng tộc, tín ngưỡng, địa vị xã hội.

Lịch sự: Tôn trọng người khác, có ngôn ngữ, hành vi giao tiếp văn hóa.

Biết ơn: Tò lòng biết ơn người giúp đỡ, động viên mình; biểu thị lòng kính trọng và cố hết sức làm cho người đó vui lòng.

Đoàn kết: Không chia rẽ, tách rời tập thể.

Hệ thống giá trị đạo đức trên đây chỉ tương đối cho sự định hướng giá trị đạo đức của mỗi cá nhân hoặc tập thể trong từng thời kỳ xã hội nhất định.

2. Một số phẩm chất cơ bản của người giáo viên

Vấn đề phẩm chất người thầy giáo đã được các nhà tâm lý học hoạt động đề cập dưới nhiều quan điểm khác nhau:

Theo V.A. Cruchetxki, cho rằng những phẩm chất là những mặt biểu hiện của năng lực sư phạm, như “năng lực giao tiếp” thì cần phải có tình thương yêu, thái độ quan tâm ân cần đối với các học sinh, sự công bằng...; “năng lực xây dựng uy tín” cần phải có các phẩm chất ý chí như tính quả quyết, tính tự kiểm chế...¹

Còn A.V. Petrovski thì cho rằng các phẩm chất nghề nghiệp của người giáo viên thuộc xu hướng nhân cách².

Hoặc A.G. Kôvalev khái quát các phẩm chất cần thiết của người thầy giáo theo 3 thành phần: xu hướng sư phạm, tính cách sư phạm, khí chất của người giáo viên bên cạnh năng lực sư phạm³.

Như vậy, có thể xem phẩm chất tâm lý của người giáo viên xã hội chủ nghĩa là một hệ thống (gồm bộ mặt đạo đức như thế giới quan, tính tích cực xã hội..., chí hướng và

hứng thú sư phạm, và tình cảm của người thầy giáo như thái độ đối với trẻ, tình yêu công việc...) bên cạnh một hệ thống năng lực sư phạm. Quan điểm này phản ánh tính hệ thống, logic, mối quan hệ giữa các thành phần, nội dung của cấu trúc nhân cách.

❖ Thế giới quan khoa học

Thế giới quan, theo các nhà nghiên cứu, có thể giới quan xã hội và thế giới quan của cá nhân. Thế giới quan xã hội là lĩnh vực nghiên cứu trước hết của Triết học, còn thế giới quan của cá nhân thuộc về lĩnh vực nghiên cứu của Tâm lý học. Các nhà tâm lý học hoạt động cho rằng, thế giới quan là “một hệ thống những quan điểm về tự nhiên, xã hội và bản thân, những tư tưởng, những giá trị tinh thần được hình thành ở mỗi người và xác định phương châm hành động của người ấy.

Thế giới quan khoa học của một cá nhân có nghĩa là thế giới quan duy vật biện chứng, “được thể hiện ở chỗ các quan điểm đều nhất quán, logic với nhau và các luận điểm mà cá nhân đó bảo vệ đều được chứng minh, kiểm nghiệm.

Người thầy giáo phải xác định được thế giới quan khoa học của mình. Nếu như không có thế giới quan khoa học, người thầy giáo sẽ không có được một cái nhìn đúng đắn, rõ ràng, thống nhất về những gì xung quanh mình, sẽ không có lập trường vững chắc, không có niềm tin vào chân lý, vào những tri thức khoa học mà mình truyền đạt cho học sinh và không tin vào cả bản thân mình nữa. Từ đó, tất yếu học sinh cũng sẽ không xác định được thế giới quan của mình, dẫn đến những sai lầm trong hành động không những của một cá nhân học sinh mà còn của cả một thế hệ trẻ.

Hiển nhiên, thế giới quan của người thầy giáo xã hội chủ nghĩa phải là thế giới quan Mac-Lênin, vì đó là thế giới quan khoa

¹ V.A. Cruchetxki, *Thế Long dịch, Những cơ sở của Tâm lý học sư phạm*, 2, Nxb Giáo dục.

² A.V. Petrovski, *Đỗ Văn dịch, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, 2, Nxb Giáo dục.

³ Bùi Ngọc Oánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, *Triệu Xuân Quỳnh, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, Đại Học Sư Phạm Tp.HCM.

học và tiến bộ nhất, phản ánh đúng đắn, logic và nhất quán những qui luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Trên quan điểm duy vật biện chứng, người thầy giáo luôn muốn xem xét từng sự vật và hiện tượng không độc lập nhau, mà trong mối liên kết với các sự vật và hiện tượng khác. Thế giới quan của người thầy giáo biểu hiện ở quá trình rèn luyện của họ:

- Trước hết đó là việc nắm được một cách có hệ thống những tri thức về tự nhiên và xã hội, đồng thời nghiên cứu các bộ môn mà mình giảng dạy.
- Nghiên cứu Triết học, tức là đưa ra những tri thức về thế giới, những quan điểm duy vật đã hình thành vào những luận chứng có cơ sở khoa học chặt chẽ.
- Thể hiện những quan điểm Triết học tiên tiến của mình qua hoạt động dạy học và giáo dục thực tiễn.

Chỉ khi nắm vững triết để thế giới quan duy vật biện chứng, người thầy giáo sẽ không bao giờ cảm thấy đơn điệu vì phải dạy một nội dung kiến thức lặp đi lặp lại. Bởi luôn có sự liên hệ với cuộc sống và với những nội dung kiến thức khác.

Thông thường, thuật ngữ “thế giới quan” được hiểu theo nghĩa hẹp, tức là một hệ thống những quan điểm về xã hội hay những quan điểm về chính trị - đạo đức. Trong bài báo này, thế giới quan khoa học của người thầy giáo tập trung ở các biểu hiện sau:

- Có ý thức tốt đối với chế độ xã hội chủ nghĩa
- Tin tưởng và chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Có ý hướng học tập chính trị để phục vụ cho chế độ.
- Có ý thức tốt đối với chính quyền.
- Quan tâm tìm hiểu các vấn đề thời sự, chính trị, xã hội.

Từ những quan điểm về thế giới khách quan ấy, người thầy giáo đề ra cho mình những mục tiêu phấn đấu cao đẹp cho cuộc đời và cho sự nghiệp. Những mục tiêu đó chính là lý tưởng nghề nghiệp.

❖ Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ

Gônôbôlin đã nhận xét: “Đặc điểm của người thầy giáo Xô viết, nhất là giáo viên trẻ, là thường xuyên có khát vọng vươn lên những lý tưởng cao cả của chủ nghĩa cộng sản”⁴. Và lý tưởng cao cả đó của họ là “đào tạo thế hệ trẻ”.

Lý tưởng, “là một mục tiêu cao đẹp được phản ánh vào đầu óc con người dưới hình thức một hình mẫu mực và hoàn chỉnh có tác dụng lôi cuốn toàn bộ cuộc sống của cá nhân vào hoạt động để vươn tới mục tiêu đó”. Lý tưởng là mặt biểu hiện tập trung nhất của xu hướng nhân cách. Ở đây, lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ còn là hạt nhân trong cấu trúc của nhân cách, là “ngôi sao dẫn đường” giúp cho thầy giáo luôn đi lên phía trước, thấy hết được giá trị lao động của mình đối với thế hệ trẻ, đối với xã hội.

Mặt khác, lý tưởng của thầy giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân cách học sinh. Có thể khẳng định rằng, không thể nào trở thành một nhà giáo chân chính nếu tự bản thân mình không có được lý tưởng cao đẹp là phụng sự cho giáo dục, cho công cuộc giáo dục và đào tạo lớp trẻ của đất nước. Trong mục tiêu chung của người thầy giáo, có nhiệm vụ quan trọng là giúp người học hình thành được một lý tưởng cao đẹp. Để hoàn thành nhiệm vụ này, đòi hỏi mỗi thầy giáo phải xây dựng cho mình những lý tưởng cao đẹp tương ứng, trước hết là lý tưởng nghề nghiệp, lý tưởng phục vụ, để học sinh soi vào đấy mà noi theo. Chính vì thế, giáo viên luôn là tấm gương sáng cho học sinh của mình.

Lý tưởng của người thầy giáo biểu hiện ở niềm *say mê công việc, lòng yêu*

⁴ Ph.N. Gônôbôlin, Nguyễn Thế Hùng, Ninh Giang dịch, *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, 1, Nxb Giáo dục.

trẻ, lương tâm nghề nghiệp, tận tụy hy sinh vì lợi ích chung, tác phong làm việc cần cù, trách nhiệm lối sống giản dị và thân tình... Những điều đó để lại những dấu ấn đậm nét trong tâm trí học sinh, nó có tác dụng hướng dẫn, điều khiển quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Và những dấu ấn tốt đẹp ấy được tạo ra một tình thương yêu trẻ sâu sắc, một tấm lòng vì học trò của người thầy.

❖ Lòng yêu thương học sinh

J.A. Cômexki đã từng nói: “Không thể trở thành người thầy nếu không phải là một người cha”. Theo ông, người thầy giáo không nên xem học sinh của mình đơn thuần chỉ là người đi học, mà hãy đặt nơi các em một tình thương ấm áp, không tính toán, xem hạnh phúc của học sinh như hạnh phúc của mình – đó như là một tình thương của người cha, người mẹ dành cho con vậy. Tình thương yêu học sinh rất tự nhiên, trong sáng. Thứ tình yêu đó như một chất xúc tác đặc biệt để thành công trong nghề sư phạm. “Điều trước tiên đòi hỏi ở người giáo viên là tình yêu trẻ. Chúng ta cần phải yêu trẻ. Từ tình yêu trẻ nảy sinh ra tình yêu lao động sư phạm. Tình yêu đó tạo ra tài nghệ trong công tác”. Lòng yêu trẻ của thầy giáo được biểu hiện:

Cảm thấy sung sướng khi được tiếp xúc với trẻ, khi đi sâu vào thế giới độc đáo của trẻ. Có không ít giáo viên khi được hỏi vì sao lại chọn nghề sư phạm, câu trả lời của họ không đề cập đến năng khiếu dạy học hay một ước nguyện gì đó cao xa, chỉ đơn giản là “thích chơi với trẻ, cảm thấy lòng mình thoải mái khi nhìn chúng hoạt động, khi được hướng dẫn chúng một điều gì đó”.

Thái độ quan tâm đầy nhiệt huyết và ân cần đối với trẻ, kể cả các em học kém và vô kỷ luật. Mọi sự quan tâm, giúp đỡ của giáo viên đến với học sinh phải rất khéo léo, chân thành và giản dị. Đặc biệt là “sự công bằng”, điều mà các em cho là quan trọng nhất và luôn đòi hỏi ở người giáo viên. Đó

cũng chính là thái độ của giáo viên gây tác động mạnh mẽ nhất đến tình cảm của học sinh đối với mình.

Điều quan trọng nhất là thái độ quan tâm, giúp đỡ đó của giáo viên không bao giờ được biến thành ủy mị, nhu nhược, mà phải luôn đi kèm với yêu cầu cao và nghiêm khắc nếu cần thiết. Vấn đề này đòi hỏi ở người giáo viên một bản lĩnh vững vàng, phải luôn xứng đáng là điểm tựa vững chắc cho học sinh.

Yêu thương học sinh, cũng có nghĩa là tin tưởng nơi học sinh. Một nhà giáo giàu kinh nghiệm đã nói về lòng yêu trẻ như một tình yêu rộng lớn với đầy tâm huyết: “Tôi muốn nói về thứ tình yêu tích cực. Yêu học sinh bằng cách truyền cho các em những tri thức của mình, chuẩn bị cho các em bước vào đời. Yêu học sinh, có nghĩa là tin tưởng vào năng lực, sự trưởng thành, tương lai của các em, tin tưởng các em sẽ đạt được thành tích thậm chí cả khi mọi người nói rằng em ấy không còn hy vọng nữa” (Gônôbôlin).

Đối với học sinh, lòng tin của thầy cô nơi mình càng làm tăng thêm sức mạnh của bản thân, khích lệ tinh thần của các em rất nhiều. Lòng tin ấy Makarenko gọi là “sự lạc quan sư phạm”⁵.

Có thể nói rằng, bí quyết thành công của một nhà giáo chân chính là bắt nguồn từ thứ tình cảm vô cùng sâu sắc nhưng lại tự nhiên và giản dị - tình yêu trẻ, một tình yêu đúng nghĩa xuất phát từ cái “tâm” của người thầy.

❖ Lòng yêu nghề

Lòng yêu trẻ và yêu nghề gắn bó chặt chẽ với nhau, lồng vào nhau. Không có lòng thương người, yêu trẻ thì khó mà tạo ra cho mình những động lực mạnh mẽ để suốt đời phấn đấu vì lý tưởng phục vụ nghề nghiệp. Hai phẩm chất này đều là mặt biểu hiện tình cảm cao cả của người thầy.

Tình yêu nghề trước tiên phải xuất phát từ tình yêu lao động. Một giáo viên phải là một người yêu lao động, điều đó

⁵ Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm, *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục.

rất quan trọng. Những người nào có phẩm chất này thường tự nguyện và dễ dàng làm việc ngay cả khi công việc không đem lại sự thích thú. Biểu hiện của tình yêu lao động sư phạm ở người thầy giáo:

Luôn nghĩ đến việc cống hiến cho sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ. Tức là lý tưởng nghề nghiệp phải trong sáng và vững chắc, thực sự xem đây là kim chỉ nam cho mọi công việc của mình, dù là nhỏ nhất. Từ đó, làm nảy sinh ở người giáo viên sự thích thú, niềm say mê trước hết là quá trình truyền tri thức của mình và sau là quá trình giáo dục con người.

Trong công tác giảng dạy và giáo dục, giáo viên luôn luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn luôn cải tiến nội dung và phương pháp, không tự thỏa mãn với trình độ hiểu biết và tay nghề của mình. Những giáo viên nào thật sự có uy tín đối với trẻ? Đó là những người giỏi công việc của mình, bộ môn của mình và nhiệt tình say mê bộ môn đó, để tránh những sai lầm thô thiển, tránh những điều mình giảng trở nên vô vị, nhàm chán đối với học sinh, làm cho chúng mất hết hứng thú học hỏi, khám phá những điều mới lạ thuộc về bộ môn đó.

Niềm vui khi tiếp xúc với trẻ, với học sinh cũng là mặt biểu hiện của lòng yêu nghề. Sự giao tiếp này sẽ làm phong phú cuộc đời người thầy giáo, càng làm cho họ có nhiều cảm xúc tích cực và say mê.

Vì thế, như D.I.Ravkin đã khẳng định “Để làm một người thầy giỏi, trước hết phải biết yêu cái điều mình dạy và yêu những người mình dạy”, chúng ta nhận thấy rõ vai trò, ý nghĩa của những phẩm chất trên đối với sự rèn luyện nhân cách người thầy giáo.

3. Một số phẩm chất đạo đức đặc trưng và phẩm chất ý chí của con người giáo viên

Khác với các hoạt động khác, hoạt động của người thầy giáo nhằm làm thay đổi con người (học sinh). Do vậy, mối quan

hệ người – người nổi lên như một vấn đề cốt yếu. Nội dung, tính chất và cách xử lý mối quan hệ này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học và giáo dục. Nếu người thầy giáo xây dựng được mối quan hệ với học sinh sao cho khơi dậy ở các em tính tích cực hoạt động; với tập thể đồng nghiệp sao cho hòa hợp và nâng cao hiệu quả công tác; với phụ huynh học sinh sao cho thống nhất trong nội dung và phương pháp giáo dục học sinh... thì chắc chắn kết quả sư phạm sẽ cao.

Để làm được điều đó, người thầy giáo một mặt phải tuân thủ những qui luật khách quan của sự phát triển về mọi mặt từ phía khách thể quan hệ, một mặt phải đảm bảo ở bản thân mình những phẩm chất đạo đức đặc trưng và ý chí cần thiết.

Những phẩm chất đạo đức của người giáo viên thuộc về nét tính cách sư phạm – đó là một hệ thống các thái độ có liên quan đến việc hình thành các hoạt động của người giáo viên, bao gồm hoạt động trong và ngoài nhà trường.

Trong khuôn khổ công việc của mình, đó là những thái độ đối với ban lãnh đạo, với đoàn thể, thái độ đối với đồng nghiệp, với học sinh, với phụ huynh học sinh. Ngoài ra còn có thái độ đối với công việc, những tình huống, trường hợp và điều kiện khác nhau nảy sinh... Ở ngoài nhà trường thì đó là những thái độ đối với pháp luật, chính quyền, nhân dân, các cơ quan tổ chức, các sự kiện xã hội...

Bao trùm lên tất cả là thái độ đối với chính bản thân mình – sự tự ý thức.

Các phẩm chất đạo đức, cụ thể đó là tinh thần nghĩa vụ, tinh thần “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, lòng nhân ái, tôn trọng, công bằng, chính trực, tính tình ngay thẳng, giản dị, khiêm tốn... và những tính cách khác, gọi là “thái độ khéo léo đối xử sư phạm”. Bên cạnh đó, tình cảm đạo đức của người giáo viên còn thể hiện là niềm vui sướng, sự cảm phục của mọi người, cảm

thấy tự thỏa mãn do thực hiện những tiêu chuẩn đạo đức mà xã hội qui định.

Ý chí, “là mặt điều chỉnh của ý thức, là một phẩm chất tâm lý quan trọng nhằm giúp con người vượt qua những khó khăn trở ngại để thực hiện được những hành động có mục đích”. Một điều tất nhiên rằng công việc của thầy giáo vẫn thường có những khó khăn trở ngại mà khi đó sự hỗ trợ của ngoại lực không đáng kể, thì sức mạnh ý chí là điều tối cần thiết.

Ý chí của người thầy giáo biểu hiện ở tính mục đích, tính nguyên tắc, tính kiên nhẫn; biết tự kiềm chế, biết tự chiến thắng với những thói hư tật xấu; khả năng điều khiển tình cảm, tâm trạng cho thích hợp với các tình huống sư phạm... Như đã nói, người thầy giáo dạy học sinh bằng cả tấm gương cá nhân, bằng cả hành vi riêng của mình, bằng toàn bộ nhân cách của mình, do đó trong số những phẩm chất nêu trên thì tính tự kiềm chế những cảm xúc của bản thân có ý nghĩa đặc biệt. Điều này rất dễ hiểu, vì:

- Phản ứng mạnh của giáo viên, trước hành vi của học sinh có khi hiệu quả, nhưng đồng thời cũng cần nhớ rằng người nào dễ bị kích động có thể mất cảm xúc về mức độ cần thiết, do vậy mà họ cũng có thể thu được kết quả ngược lại.
- Sự tức giận thường tác động đến tình cảm nhiều hơn là đến ý thức của con người. Và đối với các giáo viên hay nổi nóng thì học sinh thường giữ kỷ luật vì sợ hãi chứ không phải vì mến phục. Những kết quả quan sát cho thấy rằng những giáo viên hay nổi nóng thì sau lưng họ, các em ít khi hành động tốt hơn là ở những giáo viên điềm đạm, bình tĩnh nhưng đồng thời yêu cầu tương đối cao.
- Điều quan trọng là phải chú ý đến thực chất của công việc. Thường có những hành động nhất thiết đòi hỏi phải thể

hiện xúc cảm mạnh mẽ nhưng giáo viên lại “ức chế thần kinh” của bản thân mình cũng như học sinh một cách vô lý qua những hành vi nhỏ nhặt, những lỗi lầm không đáng kể.

- Giáo viên hãy có niềm tin vào sự đúng đắn của mình. K.D.Usinxki viết: “Chỉ có lòng chân thành mới sinh ra sự chân thành”. Trẻ em cũng yêu mến những giáo viên hay nổi nóng nếu các em thấy rằng sự tức giận của họ xuất phát từ tình cảm không hài lòng thực sự và nhiệt tình mong muốn giúp đỡ các em sửa chữa những thiếu sót nào đó.

Như vậy, một thầy giáo giỏi phải là người làm chủ được bản thân mình trong mọi trường hợp, biết cái gì nên làm, biết lúc nào là hợp lý. Có như vậy, công tác sư phạm không những là một khoa học mà còn là một nghệ thuật.

4. Lời kết

Giá trị đạo đức là thành phần cốt lõi trong hệ thống giá trị của con người, là những tiêu chuẩn, lối sống được con người hay nhóm người thừa nhận và áp dụng trong hệ thống hành vi, thái độ của mình một cách có ích đối với các mối quan hệ trong đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương.

Những phẩm chất (hay còn gọi là những giá trị) cơ bản trong nhân cách của người thầy giáo xã hội chủ nghĩa (nhấn mạnh về mặt đạo đức) có mối liên hệ rất chặt chẽ với nhau, cái này chứa đựng cái kia, cái này là điều kiện và là kết quả của cái kia, tạo thành một hệ thống. Việc rèn luyện phẩm chất người thầy giáo không chỉ một mà là tất cả những phẩm chất, kể cả những vấn đề khác mà khuôn khổ bài báo chưa đề cập tới như là nề nếp, tác phong, cử chỉ, lời nói... Những nét nhân cách đó, cần được hình thành, hoàn thiện và phát triển phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, với truyền thống dân tộc, với yêu cầu của nghề nghiệp và điều kiện của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bích (2000), Tâm lý học nhân cách, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 2.V.A. Cruchtxki, Thê Long dịch, Những cơ sở của Tâm lý học sư phạm, 2, Nxb Giáo dục.
- 3.Ph.N. Gônôbôlin, Nguyễn Thê Hùng, Ninh Giang dịch, Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên, 1 , Nxb Giáo dục.
- 4.Vũ Thị Nho, Tâm lý học phát triển, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 5.Nguyễn Ngọc Lanh (2006), “Suy thoái giáo dục – Đạo đức người thầy?”, website vietnamnet.
- 6.Nguyễn Thị Oanh (2006), “Giá trị sống”, Tuổi trẻ chủ nhật.
- 7.Bùi Ngọc Oánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Triệu Xuân Quỳnh, Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm, Đại Học Sư Phạm tp HCM.
- 8.Diane Tillman (2000), Chương trình giáo dục các giá trị sống, Internatonal Coordination Office.
- 9.Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 10.V.A. Xukhômlixxki, Nguyễn Hữu Chương, Đặng Thị Huệ, Trần Nam Lương dịch, Trái tim tôi hiến dâng cho trẻ, Nxb Giáo dục.